

A. MỤC TIÊU:

Kiểm tra kiến thức:

- Nhận biết khái niệm ban đầu về phân số, tích chất cơ bản của phân số, rút gọn, so sánh phân số; viết các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn.
- Cộng, trừ, nhân, chia hai phân số với số tự nhiên.
- Tính giá trị của biểu thức các phân số (không quá 3 phép tính);
- Chuyển đổi, thực hiện phép tính với số đo khối lượng, diện tích, thời gian.
- Nhận biết hình bình hành và một số đặc điểm của nó; tính chu vi, diện tích hình chữ nhật, hình bình hành.
- Giải bài toán có đến 3 bước tính với các số tự nhiên hoặc phân số trong đó có các bài toán: Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó; Tìm phân số của một số.

B/ MA TRẬN NỘI DUNG KIỂM TRA MÔN TOÁN

TT	Mạch kiến thức, kĩ năng		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Số học: Nhận biết khái niệm ban đầu về phân số, tích chất cơ bản của phân số, viết các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn, Cộng, trừ, nhân, chia phân số, Tính giá trị của biểu thức các phân số,	Số câu	4		1	1		1		1	8
		Số điểm	2		1	1		1		1	6
2	Đại lượng và đo đại lượng: -Chuyển đổi, thực hiện phép tính với số đo khối lượng, diện tích , thời gian.	Số câu			2						2
		Số điểm			2						2
3	Yếu tố hình học: Nhận biết hình bình hành và một số đặc điểm của nó; tính diện tích hình chữ nhật, hình bình hành.	Số câu	1					1			2
		Số điểm	1					1			2
Tổng		Số câu	5		3	1		2		1	10
		Số điểm	3		4		2		1		10

MA TRẬN CÂU HỎI ĐỀ KIỂM TRA MÔN TOÁN

TT	Chủ đề		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Số học:	Số câu	4		1	1		1		1	8
		Câu số	1,3,4,5		7	9		10		12	8
2	Đại lượng và đo đại lượng	Số câu			2						2
		Câu số			6,8						2
3	Yếu tố hình học	Số câu	1					1			2
		Câu số	2					11			2
		Tổng số câu	5		3	1		2		1	12
		Tổng số	5		4		2		1		12

C. ĐỀ KIỂM TRA:

Khoanh vào chữ đặt trước ý trả lời đúng:(từ câu 1 đến câu 7)

M1 Câu 1: Phân số chỉ phần đã tô màu là: (0,5đ)



a. $\frac{4}{3}$

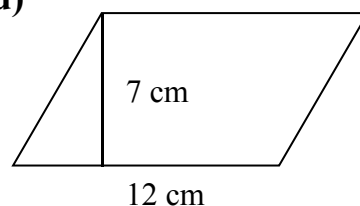
b. $\frac{4}{7}$

c. $\frac{3}{7}$

d. $\frac{3}{4}$

M1 Câu 2: Diện tích của hình bình hành bên là: (1đ)

- a. 84cm^2
- b. 42cm^2
- c. 19cm^2
- d. 38cm^2



M1 Câu 3: Trong các phân số sau, phân số nào là phân số tối giản? (0,5đ)

a. $\frac{1}{2}$

b. $\frac{2}{4}$

c. $\frac{3}{6}$

d. $\frac{5}{10}$

M1 Câu 4: Phân số nào sau đây bằng 1? (0,5đ)

a, $\frac{6}{19}$

b, $\frac{17}{13}$

c, $\frac{21}{19}$

d, $\frac{18}{18}$

M1 Câu 5: Kết quả của phép trừ $\frac{7}{9} - \frac{3}{9}$ là: (0,5đ)

a, $\frac{10}{9}$

b, $\frac{4}{9}$

c, $\frac{4}{18}$

d, $\frac{36}{81}$

M2 Câu 6: 2 ngày 12 giờ = giờ (1đ)

a. 48

b. 36

c. 50

d. 60

M2 Câu 7: Các phân số: $\frac{2}{3}; \frac{6}{5}; \frac{1}{3}$ xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là: (1đ)

a. $\frac{1}{3}; \frac{6}{5}; \frac{2}{3}$

b. $\frac{1}{3}; \frac{2}{3}; \frac{6}{5}$

c. $\frac{6}{5}; \frac{1}{3}; \frac{2}{3}$

d. $\frac{6}{5}; \frac{2}{3}; \frac{1}{3}$

M2 Câu 8: Điền số thích hợp vào chỗ chấm. (1đ)

a) 35 tạ 6 kg = kg

b) $5m^2 3cm^2 = cm^2$

M2 Câu 9: Tính giá trị biểu thức: (1 điểm)

$$\frac{5}{2} + \frac{1}{3} \times \frac{1}{4}$$

M3 Câu 10: (1 điểm)

Hiện nay anh hơn em 5 tuổi. Biết rằng 5 năm nữa thì tổng số tuổi của hai anh em là 25. Tính tuổi của em hiện nay.

M3 Câu 11: (1 điểm)

Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 540m, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Tính diện tích của thửa ruộng.

M4 Câu 12: (1 điểm)

Trung bình cộng số gạo hai kho là 74 tấn. Nếu thêm vào kho thứ nhất 8 tấn và kho thứ hai 16 tấn thì số gạo mỗi kho bằng nhau. Hỏi lúc đầu mỗi kho có bao nhiêu tấn gạo?

D. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

Câu 1: b (0,5 đ)

Câu 2: a (1 đ)

Câu 3: a (0,5 đ)

Câu 4: d (0,5 đ)

Câu 5: b (0,5 đ)

Câu 6: d (1 đ)

Câu 7: b (1 đ)

Câu 8: a: 3506 kg b: 50003 cm² (1 đ) – Mỗi ý được 0,5 đ

Câu 9: (1 điểm) Tính giá trị biểu thức:

$$\begin{aligned} \frac{5}{2} + \frac{1}{3} \times \frac{1}{4} &= \frac{5}{2} + \frac{1}{12} \\ &= \frac{31}{12} \end{aligned}$$

Câu 10: (1 điểm)

Bài giải

Tuổi em sau 5 năm nữa là:

$$(25 - 5) : 2 = 10 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi em hiện nay là:

$$10 - 5 = 5 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 5 tuổi

Câu 11: (1 điểm)

Bài giải

Chiều rộng thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$540 : 3 = 180 \text{ (m)}$$

Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$540 \times 180 = 97200 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 97200 m²

Câu 12: (1 điểm)

Bài giải

Tổng số gạo hai kho là:

$$74 \times 2 = 148 \text{ (tấn)}$$

Số gạo kho thứ nhất nhiều hơn kho thứ hai là:

$$16 - 8 = 8 \text{ (tấn)}$$

Số tấn gạo lúc đầu của kho thứ nhất là:

$$(148 + 8) : 2 = 78 \text{ (tấn)}$$

Số tấn gạo lúc đầu của kho thứ hai là:

$$148 - 78 = 70 \text{ (tấn)}$$

Đáp số: 70 tấn gạo